

KỶ VỌNG CỦA NGƯỜI HỌC VỚI CÁC HÌNH THỨC GIẢNG DẠY,
LƯỢNG GIÁ MÔN KÝ SINH TRÙNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ
CÔNG CỘNG TRONG GIAI ĐOẠN 2020 - 2022

Nguyễn Thị Thu Hà¹, Nguyễn Phương Thoa¹
Nguyễn Cẩm Thu¹, Nguyễn Thu Hương¹

Tóm tắt

Đặt vấn đề và mục tiêu: Đại dịch COVID-19 diễn biến hết sức phức tạp và ảnh hưởng sâu sắc đến việc dạy và học tại hầu hết các trường, nhiều nội dung phải chuyển đổi hình thức đào tạo phù hợp bao gồm trực tiếp, trực tuyến, tích hợp. Ký sinh trùng là môn học đặc thù của xét nghiệm y học cần nhiều kỹ năng thực hành. Nghiên cứu của chúng tôi nhằm: Đánh giá những trải nghiệm và kỳ vọng của sinh viên, học viên đối với hình thức đào tạo cho môn học này trong giai đoạn COVID-19. **Đối tượng và phương pháp:** Khảo sát trực tuyến 563 sinh viên, học viên (SV/HV) chuyên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (KTXNYH), dinh dưỡng (DD), Y tế công cộng (YTCC) ở các trình độ đào tạo đại học và sau đại học đã tham gia một cuộc khảo sát trực tuyến. Trong đó, 551 SV/HV trả lời đầy đủ tất cả câu hỏi của bộ phỏng vấn. **Kết quả và kết luận:** Tỷ lệ kỳ vọng học lý thuyết, thực hành và lượng giá lý thuyết bằng các hình thức trực tiếp, tích hợp, trực tuyến của SV/HV chuyên ngành KTXNYH lần lượt là 28,5%; 18,4%; 53,1%; 61,3%; 11,5%; 27,2% và 19,0%; 2,1%; 78,9%, khác biệt có ý nghĩa so với tỷ lệ này ở SV/HV chuyên ngành DD và YTCC (50,0%; 25,0%; 25,0%); (81,8%; 10,2%; 8,0%) và (36,9%; 1,2%; 61,9%), $p < 0,05$. Tỷ lệ kỳ vọng lượng giá thực hành trực tiếp, tích hợp, trực tuyến của sinh viên cử nhân chính quy là 86,7%; 1,2%; 12,1% khác biệt có ý nghĩa so với nhóm học viên vừa học vừa làm và thạc sĩ (40,8%; 1,9%; 57,3%) và (18,9%; 1,9%; 79,2%), $p < 0,05$.

* Từ khoá: Đại dịch COVID-19; Học trực tiếp; Học trực tuyến; Đào tạo tích hợp.

¹Trường Đại học Y tế Công cộng

Người phản hồi: Nguyễn Thị Thu Hà (ntth1@huph.edu.vn)

Ngày nhận bài: 25/5/2022

Ngày được chấp nhận đăng: 15/8/2022

**SURVEILLANCE OF TEACHING METHODOLOGY FOR
PARASITOLOGY AT PUBLIC HEALTH UNIVERSITY
IN THE PERIOD 2020 - 2022**

Summary

Background and objectives: COVID-19 pandemic has been spreading globally complicated and deeply affects teaching and learning at the majority of universities. Many contents must be converted into appropriate training forms including direct, online, integrated. Parasitology is a specialized subject of medical laboratory technology which requires a significant amount of practice. Our research aims: To assess experiences and expectations of learners towards the methodology of this particular subject during the period of COVID-19. **Subjects and methods:** A total of 563 students/learners from Medical Laboratory Science major, Nutrition major and Public Health major of formal university education and postgraduate education joined an online survey, 551 students/learners fully answered all the questions of the interview set. **Results and conclusion:** The expected acceptance rate of learning theory, practice and assessment method for theory by direct learning, blended learning, online learning of medical laboratory students was 28.5%; 18.4%; and 53.1%; 61.3%; 11.5%; 27.2% and 19.0%; 2.1%; 78.9%; significantly different from this rate in nutrition and public health students (50.0%; 25.0%; 25.0%); (81.8%; 10.2%; 8.0%) and (36.9%; 1.2%; 61.9%), $p < 0.05$. The assessment method for practice by direct, integrated, online of full-time bachelor's students was 86.7%; 1.2%; 12.1% significantly different from this rate in the group of students studying while working and masters (40.8%; 1.9%; 57.3%) and (18.9%; 1.9%; 79.2%), $p < 0.05$.

* **Keywords:** *COVID-19 pandemic; Direct learning; Online learning; Blended learning.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tính đến ngày 17/5/2022, thế giới ghi nhận hơn 522 triệu ca mắc COVID-19, trong đó 6,2 triệu trường hợp tử vong. Việt Nam đã ghi nhận khoảng 10,7 triệu ca mắc; 43,1 nghìn người tử vong. Các biện pháp phòng

chống hiệu quả đã được triển khai đồng loạt, gồm cả giãn cách xã hội trong thời điểm cao trào của dịch bệnh. Trong bối cảnh đó, các cơ sở đào tạo phải nỗ lực cân bằng giữa việc cung cấp kiến thức cho người học, đảm bảo tiến độ, chuẩn đầu ra của chương trình

đào tạo với việc đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh phức tạp, các trường nhanh chóng triển khai các biện pháp khác nhau để đảm bảo tính liên tục trong giáo dục [2]. Phối hợp giữa dạy - học trực tiếp và trực tuyến đã được nhiều trường áp dụng. Phân tích tổng hợp (*meta-analysis*) 56 bài báo, có 9.943 người tham gia thuộc các lĩnh vực đào tạo y khoa tại 24 quốc gia cho thấy phương pháp học kết hợp cung cấp kiến thức và tính linh hoạt chủ động trong dạy và học cao hơn đáng kể đối với học tập trực tiếp [2]. Tuy nhiên, phương pháp dạy học trực tuyến khó có thể truyền đạt các kiến thức mang tính thực tế và tay nghề lâm sàng so với phương pháp trực tiếp [3]. Tại Việt Nam, nhiều trường học cũng áp dụng các phương pháp giảng dạy, lượng giá khác nhau, tuy nhiên không có nhiều nghiên cứu đánh giá kết quả cũng như mong muốn của người học với các phương pháp giảng dạy, lượng giá này. Môn học Ký sinh trùng tại Trường Đại học Y tế Công cộng được giảng dạy cho các nhóm đối tượng khác nhau cả chính quy và vừa học vừa làm: Cử nhân đại học chuyên ngành DD, YTCC, KTXNYH, thạc sĩ KTXNYH. Khảo sát này nhằm: *Đánh giá kỳ vọng của người học về các hình thức dạy học và lượng giá học phần Ký sinh trùng tại Trường Đại học Y tế Công cộng trong bối cảnh COVID - 19*

giai đoạn 2020 - 2022, từ đó đề xuất phương án dạy và học phù hợp.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Toàn bộ SV, HV hệ cử nhân (chuyên ngành: YTCC, DD, KTXNYH) và học viên cao học ngành KTXNYH tham gia học phần Ký sinh trùng từ tháng 10/2020 - 10/2021 tại Trường Đại học Y tế Công cộng.

2. Phương pháp nghiên cứu

* *Thiết kế nghiên cứu:* Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

* *Cỡ mẫu và chọn mẫu:* Cỡ mẫu toàn bộ, lựa chọn chủ đích của SV, HV đã tham gia học phần Ký sinh trùng. Tổng số có 563 SV, HV đồng ý tham gia khảo sát, với 551 phiếu điền đủ tất cả thông tin theo bộ câu hỏi phỏng vấn.

* *Thời gian:* Từ tháng 11/2021 - 3/2022.

* *Địa điểm nghiên cứu:* Trung tâm Xét nghiệm, Trường Đại học Y tế Công cộng.

* *Quy trình thu thập số liệu:* Khảo sát sử dụng bộ câu hỏi được thiết kế thông qua Google form gồm 5 phần, 27 câu hỏi, thông tin chung (lớp, chuyên ngành, hình thức đào tạo) và các câu hỏi theo từng nhóm chuyên ngành về kỳ vọng của SV, HV với

hình thức học lý thuyết, học thực hành, lượng giá lý thuyết, lượng giá thực hành về học phần Ký sinh trùng. Bộ câu hỏi được gửi tới SV, HV qua địa chỉ email sau khi kết thúc môn học.

* *Nội dung đánh giá:* Đánh giá kỳ vọng của người học về hình thức dạy - học và lượng giá trong từng học phần Ký sinh trùng gồm cả lý thuyết và thực hành.

- Hình thức dạy - học: Trực tiếp tại giảng đường hoặc phòng thực hành; Trực tuyến qua các nền tảng online như Zoom, MSTeam; tích hợp kết hợp học cả trực tiếp và trực tuyến.

- Lượng giá: Trực tiếp lượng giá trên giấy, trên máy hoặc lượng giá thực

hành quan sát trực tiếp tại trường. Trực tuyến lượng giá từ xa trên các nền tảng online như Google form, phần mềm thi trên máy Test pro tại nhà, vấn đáp online. Lượng giá tích hợp: Lượng giá một phần trực tiếp và một phần trực tuyến.

* *Phân tích số liệu:*

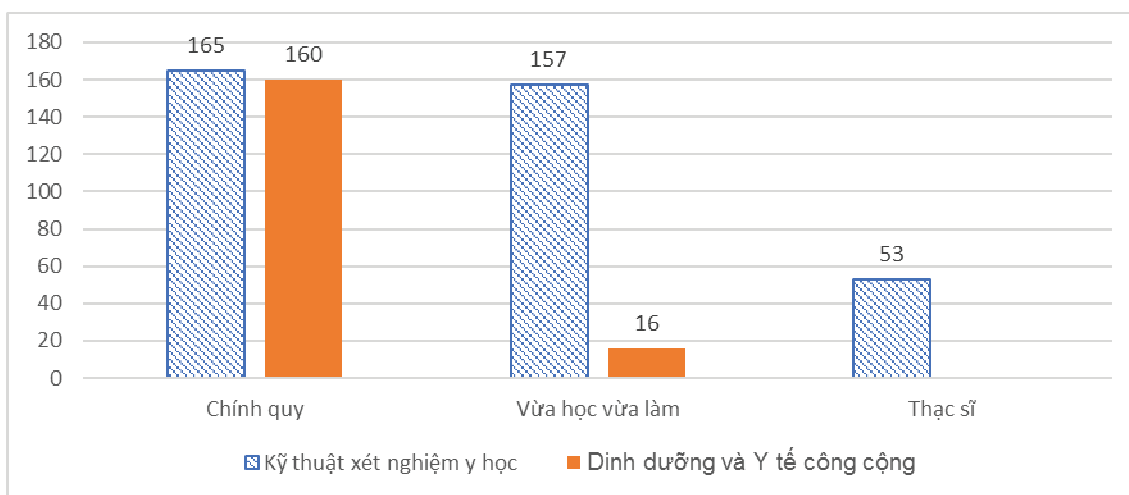
Bằng phần mềm SPSS 16.0; sử dụng test Chi bình phương (test X^2) hoặc Fisher's Extract test để so sánh tỷ lệ kỳ vọng của các nhóm đối tượng.

* *Đạo đức nghiên cứu:*

Các đối tượng tham gia nghiên cứu trên tinh thần tự nguyện, các thông tin và kết quả nghiên cứu nhằm đảm bảo cải tiến chất lượng đào tạo và không sử dụng với các mục đích khác.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu



Hình 1: Phân bố ngành học của các đối tượng nghiên cứu.

Bộ câu hỏi được gửi tới SV, HV; 562 SV, HV tham gia trả lời; 551 SV, HV trả lời đầy đủ tất cả câu hỏi của bộ phỏng vấn và đưa vào phân tích. Trong đó, chuyên ngành KTXNYH chiếm 68,1%; hai chuyên ngành DD và YTCC chiếm 31,9%. Tỷ lệ sinh viên chính quy (59,0%) nhiều hơn nhóm học ngoài giờ (41,0%) gồm Cử nhân vừa học vừa làm (31,4%) và Thạc sĩ (9,6%).

2. Kỳ vọng của SV, HV với các phương pháp dạy học môn Ký sinh trùng trong điều kiện dịch COVID - 19

Bảng 1: Kỳ vọng về hình thức giảng lý thuyết và thực hành Ký sinh trùng theo các chuyên ngành đào tạo.

Học phần	Hình thức giảng	KTXNYH		DD và YTCC		Tổng		p
		n	%	n	%	n	%	
Lý thuyết	Trực tiếp	107	28,5	88	50	195	35,4	< 0,05
	Tích hợp	69	18,4	44	25,0	113	20,5	
	Trực tuyến	199	53,1	44	25,0	243	44,1	
Thực hành	Trực tiếp	230	61,3	144	81,8	374	67,9	< 0,05
	Tích hợp	43	11,5	18	10,2	61	11,1	
	Trực tuyến	102	27,2	14	8,0	116	21,0	
Tổng		375	68,1	176	31,9	551	100	

Bảng 1 cho thấy kỳ vọng về học thực hành trực tiếp (61,3%) cao hơn so với học lý thuyết trực tiếp (28,5%) có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ (test X^2). Chuyên ngành KTXNYH kỳ vọng nhiều nhất vào hình thức học trực tuyến (53,1%); trong đó, ngành DD và YTCC lại kỳ vọng nhiều nhất được học lý thuyết trực tiếp (50,0%). Kỳ vọng về phương pháp học phần thực hành phù hợp nhất của từng nhóm đối tượng SV, HV có sự khác biệt ($p < 0,05$) (test X^2); tuy nhiên, các chuyên ngành đều kỳ vọng nhiều nhất vào hình thức học trực tiếp, trong đó tỷ lệ ngành KTXNYH và hai ngành DD - YTCC lần lượt chiếm 61,3 - 81,8%.

Bảng 2: Kỳ vọng về hình thức giảng lý thuyết và thực hành Ký sinh trùng theo từng nhóm đối tượng.

Học phần	Hình thức giảng	Cử nhân chính quy		Cử nhân vừa học vừa làm		Thạc sĩ		Tổng		p
		n	%	n	%	n	%	n	%	
Lý thuyết	Trực tiếp	158	48,6	35	20,2	2	3,8	195	35,4	< 0,05
	Tích hợp	86	26,5	12	6,9	15	28,3	113	20,5	
	Trực tuyến	81	24,9	126	72,8	36	67,9	243	44,1	
Thực hành	Trực tiếp	286	88,0	71	41,0	17	32,1	374	67,9	< 0,05
	Tích hợp	29	8,9	21	12,2	11	20,7	61	11,1	
	Trực tuyến	10	3,1	81	46,8	25	47,2	116	21,0	

SV chính quy mong muốn được học lý thuyết trực tiếp (48,6%) cao hơn các đối tượng khác; HV vừa học vừa làm và thạc sĩ thì có nhu cầu cao học bằng hình thức trực tuyến (72,8% và 67,9%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ (test X^2). Đa số SV chính quy mong muốn được học thực hành trực tiếp (88,0%); HV vừa học vừa làm và thạc sĩ lại mong muốn được học thực hành trực tuyến (46,8 và 47,2%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ (test X^2).

Bảng 3: Kỳ vọng về phương pháp lượng giá phần lý thuyết Ký sinh trùng theo các chuyên ngành và từng nhóm đối tượng.

Chuyên ngành và nhóm đối tượng		Trực tiếp		Trực tuyến		Tích hợp		Tổng		p
		n	%	n	%	n	%	n	%	
Chuyên ngành	KTXNYH	71	19,0	296	78,9	8	2,1	375	68,1	< 0,05
	DD và YTCC	65	36,9	109	61,9	2	1,2	176	31,9	
Đối tượng đào tạo	Cử nhân chính quy	105	32,3	213	65,5	7	2,2	325	59,0	< 0,05
	Cử nhân vừa học vừa làm	29	16,8	141	81,5	3	1,7	173	31,4	
	Thạc sĩ	2	3,8	51	96,2	0	0	53	9,6	
Tổng		136	24,7	405	73,5	10	1,8	551	100	

SV, HV ở tất cả các chuyên ngành đều mong muốn được lượng giá phần lý thuyết bằng hình thức trực tuyến (78,9% KTXNYH; 61,9% DD và YTCC). Kết quả tương tự theo đối tượng đào tạo. Đối tượng chính quy, vừa học vừa làm, thạc sĩ mong muốn nhiều nhất được đánh giá bằng hình thức trực tuyến lần lượt là 65,5 - 81,5% và 96,2%, mặc dù kỳ vọng giữa các nhóm đối tượng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ (Fisher's test).

Bảng 4: Kỳ vọng về phương pháp lượng giá phần thực hành Ký sinh trùng của từng nhóm đối tượng chuyên ngành KTXNYH.

Chuyên ngành và nhóm đối tượng		Trực tiếp		Trực tuyến		Tích hợp		Tổng		p
		n	%	n	%	n	%	n	%	
Đối tượng đào tạo	Cử nhân chính quy	143	86,7	20	12,1	2	1,2	165	44,0	< 0,05
	Cử nhân vừa học vừa làm	64	40,8	90	57,3	3	1,9	157	41,9	
	Thạc sĩ	10	18,9	42	79,2	1	1,9	53	14,1	
Tổng		217	57,9	152	40,5	6	1,6	375	100	

Hình thức lượng giá thực hành hết môn chỉ áp dụng với nhóm đối tượng KTXNYH; tuy nhiên, giữa các nhóm loại hình đào tạo có sự khác biệt rõ rệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ (Fisher's test). Nhóm cử nhân chính quy mong muốn hình thức thi thực hành trực tiếp đánh giá kỹ năng tay nghề (86,7%) cao hơn đối tượng thạc sĩ (18,9%). Ngược lại, ở đối tượng Thạc sĩ, đa số (79,2%) mong muốn được thi dưới hình thức trực tuyến trong khi tỷ lệ này ở nhóm cử nhân lại thấp hơn (12,1%). Tỷ lệ nhóm cử nhân vừa học vừa làm mong muốn thi thực hành trực tiếp (40,8%) thấp hơn nhóm cử nhân chính quy nhưng vẫn cao hơn nhóm thạc sĩ (40,8% so với 86,7% và 18,9%, tương đương); hơn một nửa nhóm này (57,3%) mong muốn thi dưới hình thức trực tuyến.

BÀN LUẬN

Khảo sát của chúng tôi cho thấy, kỳ vọng của người học khác nhau tùy theo nhóm đối tượng (chuyên ngành, trình độ đào tạo, hình thức chính quy/vừa học vừa làm), giữa giảng dạy và lượng giá. SV, HV kỳ vọng học thực hành trực tiếp (67%) cao hơn lý thuyết trực tiếp (35,4%), do học phần thực hành liên quan đến kỹ năng và cần quan sát trực tiếp nhiều hơn so với học phần lý thuyết. Với hình thức giảng lý thuyết, mong muốn của SV, HV ngành KTXNYH được học trực tuyến cao hơn trực tiếp và tích hợp với 53,1%, các chuyên ngành DD và YTCC lại mong muốn nhiều hơn với hình thức giảng trực tiếp (50%). Điều này có thể là do khác biệt trong chương trình giảng dạy giữa các chuyên ngành, chuyên ngành DD và YTCC có thời lượng học lý thuyết chiếm đến 80% môn học trong khi chuyên ngành xét nghiệm phân lý thuyết chỉ chiếm 50%. Phần lớn sinh viên đại học chính quy mong muốn được học lý thuyết trực tiếp (48,6%); tuy nhiên, với nhóm vừa học vừa làm và thạc sĩ thì đa số muốn được học lý thuyết bằng hình thức trực tuyến (72,8% và 67,9%). Kết quả nghiên cứu này cho thấy tỷ lệ sinh viên chính quy mong muốn học trực tiếp cao hơn trình

độ sau đại học hoàn toàn đồng nhất với nghiên cứu của Muilenburg L. năm 2005 [5]. Mỗi hình thức đào tạo đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng. Hình thức học trực tuyến đòi hỏi điều kiện cơ sở vật chất, internet, tính tự giác của người học, kỹ năng tương tác của giảng viên, phát huy được nhiều ưu điểm, đặc biệt phù hợp với nhóm đối tượng HV hạn chế thời gian và kinh phí [5, 6]. Đối với kiến thức lý thuyết, giảng dạy bằng hình thức trực tuyến sẽ giúp hạn chế đi lại, tiếp xúc trong điều kiện dịch bệnh và khá phù hợp với đối tượng vừa học vừa làm và thạc sĩ trong khi nhóm chính quy có tỷ lệ mong muốn học trực tiếp cao hơn có thể do nghĩ học trực tuyến làm giảm tập trung, hạn chế kỹ năng làm việc nhóm và tương tác khi học, chất lượng mạng. Điều này hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với những hạn chế chung được đưa ra ở nhiều nghiên cứu khác [3].

Với học phần thực hành, cả ba chuyên ngành đều thống nhất học thực hành trực tiếp hiệu quả hơn, tất cả đối tượng đều kỳ vọng phần lượng giá lý thuyết có thể được lượng giá trực tuyến (73,5%); tuy nhiên, cần đảm bảo điều kiện internet và có biện pháp chống gian lận, kỳ vọng này có sự khác biệt giữa các đối tượng. Ngành KTXNYH kỳ vọng lượng giá trực

tuyển (78,9%) cao hơn so với ngành DD và YTCC (61,9%). Nhóm thạc sĩ kỳ vọng cao hơn nhóm vừa học vừa làm và nhóm cử nhân chính quy với tỷ lệ 96,2%; 81,5%; 65,5%. Tương tự với hình thức lượng giá thực hành, nhóm cử nhân chính quy mong muốn cao được lượng giá trực tiếp để trực quan và sát chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, tỷ lệ này ở nhóm vừa học vừa làm và thạc sĩ lại giảm xuống vì mong muốn được lượng giá trực tuyến hơn để đảm bảo tiến độ học tập, hạn chế thời gian đi lại, tiết kiệm chi phí và thích ứng với thời điểm dịch không thể quay lại trường.

Nghiên cứu này chỉ ra rằng cần phải cân bằng giữa điều kiện thực tế và kỳ vọng của SV, HV đối với môn học. Khi SV kỳ vọng trước một hình thức đào tạo nào đó chúng ta cũng cần xem xét để lựa chọn phù hợp. Các môn học có thực hành trong khối ngành sức khỏe nói chung, SV, HV mong muốn được đào tạo trực tiếp nhiều hơn là hình thức đào tạo thông qua các nền tảng trực tuyến [7]. Không chỉ trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 như hiện nay mà trong thời đại công nghệ mạng phát triển mạnh rất cần xây dựng phương án dạy - học vừa đảm bảo nguyện vọng của người học, vừa đảm bảo các chuẩn giáo dục nhất là các chuẩn đầu ra về kỹ năng thực hành.

Hình thức giảng dạy tích hợp trực tiếp đan xen với trực tuyến, có thể giảm gánh nặng cho đào tạo thực hành theo cách truyền thống, người học có thể giảm thời gian thực hành trực tiếp nhưng vẫn đảm bảo đạt chuẩn kỹ năng vì có được những kiến thức nền tảng thông qua đào tạo trực tuyến trước đó rồi [2, 8]. Nhiều nghiên cứu tại trường Y trên thế giới (Đại học Manchester, Đại học Liverpool, ba trường y của Vương quốc Anh, Trường Y Norwich) đã so sánh những SV, HV tốt nghiệp từ chương trình giảng dạy trực tiếp truyền thống và tích hợp đều chỉ ra sinh viên được giảng dạy bằng phương pháp tích hợp tự tin hơn so với phương pháp giảng dạy trực tiếp sau khi tốt nghiệp [9].

KẾT LUẬN

Khảo sát được tiến hành trên 551 SV, HV tại Trường Đại học Y tế Công cộng về kỳ vọng với hình thức giảng, lượng giá môn Ký sinh trùng cho thấy, SV, HV kỳ vọng học thực hành trực tiếp (67%) cao hơn lý thuyết trực tiếp (35,4%). Kỳ vọng có sự khác biệt giữa các chuyên ngành, đối tượng. Sinh viên ngành KTXNYH kỳ vọng học lý thuyết trực tuyến, thực hành trực tiếp, lượng giá lý thuyết trực tuyến và thi thực hành trực tiếp với 53,1%; 61,3%; 78,9% và 86,7%. Chuyên ngành DD và YTCC kỳ vọng học lý thuyết trực tiếp,

thực hành trực tiếp, lượng giá lý thuyết trực tuyến với 50%; 81,8% và 78,9%. Sinh viên đại học chính quy kỳ vọng học lý thuyết, học thực hành, lượng giá thực hành đều bằng hình thức trực tiếp với tỷ lệ lần lượt là 48%; 88%; 86,7% riêng với hình thức lượng giá lý thuyết kỳ vọng bằng hình thức trực tuyến 65,5%. Học viên VHVL và thạc sĩ mong muốn học lý thuyết, thực hành, lượng giá lý thuyết, lượng giá thực hành đều bằng hình thức trực tuyến với tỷ lệ lần lượt là 72,8%; 46,8%; 81,5%; 57,3% và 67,9%; 47,2%; 96,2%; 79,2%.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu cảm ơn tất các SV/ HV đã tích cực tham gia trả lời câu hỏi. Cảm ơn các giảng viên khoa Y học cơ sở, Trung tâm xét nghiệm Trường Đại học Y tế Công cộng đã nhiệt tình tham gia gửi bộ câu hỏi và thu thập thông tin từ người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. COVID-19: Những quyết định mang tầm chiến lược vì tính mạng và sức khỏe nhân dân - Tin nổi bật - Cổng thông tin Bộ Y tế [Internet]. [cited 2021 Oct 10]. Available from: https://moh.gov.vn/tin-noi-bat/-/asset_publisher/3Yst7YhbkA5j/content/covid-19-nhung-quyet-inh-mang-tam-chien-luoc-vi-tinh-mang-va-suc-khoe-nhan-dan

2. Vallée A, Blacher J, Cariou A, Sorbets E. Blended learning compared to traditional learning in medical education: Systematic review and meta-analysis. *J Med Internet Res*. 2020 Aug 10; 22(8):e16504.

3. Adnan M. Online learning amid the COVID-19 pandemic: Students perspectives. *J Pedagog Sociol Psychol*. 2020 Jun 22; 1(2):45-51.

4. Mukhtar K, Javed K, Arooj M, Sethi A. Advantages, Limitations and Recommendations for online learning during COVID-19 pandemic era. *Pak J Med Sci*; 2020 May; 36(COVID19-S4): S27-31.

5. Muilenburg L, Berge Z. Student barriers to online learning: a factor analytic study. *Distance Educ - DISTANCE EDUC*. 2005 May 1; 26:29-48.

6. Abbasi MS, Ahmed N, Sajjad B, Alshahrani A, Saeed S, Sarfaraz S, et al. E-Learning perception and satisfaction among health sciences students amid the COVID-19 pandemic. *Work*. 2020 Jan 1; 67(3):549-56.

7. Kotur PF. Introduction of evidence-based medicine in undergraduate medical curriculum for development of professional competencies in medical students. *Curr Opin Anaesthesiol*. 2012 Dec; 25(6):719-23.

8. Pei L, Wu H. Does online learning work better than offline learning in undergraduate medical education? A systematic review and meta-analysis. *Med Educ Online*; 2019 Jan 1; 24(1):1666538.
9. Watmough S, Taylor D, Garden A. Educational supervisors evaluate the preparedness of graduates from a reformed UK curriculum to work as pre-registration house officers (PRHOs): A qualitative study. *Med Educ*; 2006;40(10):995-1001.
10. Nguyen HTT, Sivapalan S, Hiep PH, Anh PTV, Lan NTM. Teaching English as a Second Language in Vietnam: Transitioning from the traditional learning approach to the blended learning approach. *SHS Web Conf*. 2021;124:01003.